| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÀNG LONG**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2017
V/v "*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Trúc Linh.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1/. Ông Đặng Thế Nghiệp.
2/. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.

***Thư ký phiên tòa***: ông Đinh Văn Dư –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long*** *tham gia phiên tòa*: ông Phan Văn Hiếu-Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn***: bà Trần Thị H, sinh năm 1964 (có mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***Bị đơn***: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 (yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***Con chung của bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T:*** Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 05/8/2006. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (yêu cầu xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa bà Trần Thị H trình bày*: bà và ông T do mai mối và được sự đồng ý của gia đình hai bên đã đi đến hôn nhân, lễ cưới tổ chức vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn, nữ trang ngày cưới không có, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 02 năm 1995 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong gia đình, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, ông T thường xuyên say xỉn ăn nhậu, không quan tâm gia đình và thường xuyên chửi bới, hanh hung, dùng dao rượt đuổi chém bà nhiều lần, đã bị Ủy ban nhân dân xã Đ xử phạt hành chính nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, đến khoảng ngày 25/12/2014 vợ chồng đã ly thân nhau từ gian đó cho đến nay.

Về con chung: Quá trình vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 10/7/1997 và Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 05/8/2006 hiện đang sống với bà.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về tài sản riêng: Bà có mua một thửa đất số 1024, tờ bản đồ số 5, diện tích 183m$^2$, loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc ấp M, xã Đ, huyện C do bà đứng tên và căn nhà cột đúc, mái tol cất trên phần đất này.

Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Về nợ riêng của bà: Bà Trần Thị Thanh H 30.000.000 đồng, bà Trần Thị C 40.000.000 đồng, bà Mai Thanh T 40.000.000 đồng. Tổng cộng 110.000.000 đồng.

Nay về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung tên: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 10/7/1997 và Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 05/8/2006 hiện đang sống với bà, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của cháu N sống với ai người đó nuôi dưỡng, nếu nguyện vọng của cháu Cẩm N sống với bà thì bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, đối với Nguyễn Thị Mỹ H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Thửa đất số 1024, tờ bản đồ số 05, diện tích 183m$^2$, loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà H đứng tên, đối với phần tài sản này bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Bà Nguyễn Thị Thanh H 30.000.000 đồng, bà Trần Thị C 40.000.000 đồng, bà Mai Thanh T 40.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ là 110.000.000 đồng, sau khi ly hôn bà H sẽ chịu trách nhiệm trả phần nợ riêng này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T trình bày:* ông là chồng của bà Trần Thị H, ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, nữ trang, con chung là đúng sự thật. Qúa trình chung sống vợ chồng có mua thửa đất số 1024, tờ bản đồ số 105, diện tích 183m$^2$, loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà H đứng tên, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 kinh tế khó khăn, xảy ra cự cải vả và vợ chồng không còn sống chung kể từ đầu năm 2015 đến nay.

Nay về quan hệ hôn nhân ông không đồng ý ly hôn, trường hợp bà H cương quyết ly hôn ông cũng không đồng ý, về con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 10/7/1997 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 05/8/2006 theo nguyện vọng của con sống với ai người đó nuôi dưỡng,

không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với các khoảng nợ bà Nguyễn Thị Thanh H 30.000.000 đồng, bà Trần Thị C 40.000.000 đồng, bà Mai Thanh T 40.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ là 110.000.000 đồng, đối với các khoảng nợ này ông không có ý kiến, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

*Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Cẩm N trình bày*: Cháu là con của bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T, cháu đang học lớp 6, hiện đang sống với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Trần Thị H.

Do bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải để đoàn tụ về quan hệ hôn nhân, chỉ hòa giải về tài sản chung, con chung, nợ chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên Tòa hôm nay ông Nguyễn Văn T là bị đơn, cháu Nguyễn Thị Cẩm N là con của bà H và ông T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 9, Điều 14, Điều 15, điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trần Thị H.

**Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

**Về con chung**: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 05/8/2006 cho bà Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

**Về cấp dưỡng nuôi con**: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Cẩm N tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

**Về tài sản chung**: Bà Trần Thị H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**Về nợ chung**: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

**Về nợ riêng**: Do bà H, bà C, bà T có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ chịu án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng**: Tại phiên Tòa hôm nay ông Nguyễn Văn T là bị đơn và cháu Nguyễn Thị Cẩm N là con của bà H và ông T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T và cháu Cẩm N, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về xác định quan hệ tranh chấp**: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dụng vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân**: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông, bà sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 1995 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, ông T thường xuyên say xỉn ăn nhậu, không quan tâm gia đình và thường xuyên chửi bới, hanh hung, dùng dao rượt đuổi chém bà nhiều lần, đã bị Ủy ban nhân dân xã Đ xử phạt hành chính nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, đến khoảng ngày 25/12/2014 vợ chồng đã ly thân nhau từ gian đó cho đến nay. Nay bà H yêu cầu xin được ly hôn với ông T.

Với những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà H với ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 1994, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc Hội khóa 10. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì việc chung sống của bà H, ông T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nên việc bà H khởi kiện xin ly hôn là không được chấp nhận mà không công nhận bà H, ông T là vợ chồng mới phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

**[2.2] Về con chung tên**: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 10/7/1997 và Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 05/8/2006, hiện đang sống chung với bà H. Tại phiên tòa bà H thống nhất theo nguyện vọng của cháu Cẩm N sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Cẩm N muốn được sống với bà H, từ đó nghĩ nên giao bà H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cẩm N sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Ông T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, đối với Nguyễn Thị Mỹ H đã trưởng thành bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con**: Tại phiên tòa bà Trần Thị H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy cháu Nguyễn Thị Cẩm N là con chung của bà H và ông T, nay ông T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

**[2.4] Về tài sản chung**: Thửa đất số 1024, tờ bản đồ số 05, diện tích 183m$^2$, loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà H đứng tên, bà H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, Tòa không xem xét.

**[2.5] Về nợ chung**: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

**[2.6] Về nợ riêng**: Bà Nguyễn Thị Thanh H 30.000.000 đồng, bà Trần Thị C 40.000.000 đồng, bà Mai Thanh T 40.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ là 110.000.000 đồng. Do bà H, bà C, bà T có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.6] Về án phí**: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trần Thị H.

**Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

**Về con chung**: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 05/8/2006 cho bà Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

**Về cấp dưỡng nuôi con**: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Cẩm N tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

**Về tài sản chung**: Bà Trần Thị H chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, Tòa không xem xét.

**Về nợ chung**: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

**Về nợ riêng**: Do bà H, bà C, bà T có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0012552 ngày 28/9/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Lê Thị Trúc Linh**

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh.
-VKSND huyện, tỉnh.
-CCTHADS huyện.
-Các đương sự.
-Lưu.